

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PCI
PCI GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: **0679**CBTT-PC1
No: **0679**CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026
Hanoi, April 24, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: The State Securities Commission
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI/ *PCI GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *1st, 2nd and KT Floor CT2 Building, No. 583 Nguyen Trai Street, Thanh Liet Ward, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: cbtt@pcigroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị / *Meeting Minutes and Resolution of 2026 Annual General Meeting of Shareholders and the Company's Charter, the Internal Regulation on corporate governance and the Regulation on operation of the Board of Directors*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/04/2026 tại đường dẫn: <https://www.pcigroup.vn> / *This information was published on the company's website on 24/04/2026, as in the link https://www.pcigroup.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. / *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*



Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorised to disclose information



Hoàng Văn Sáng



Số: 01/BB-PC1-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, Số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Mã số doanh nghiệp: 0100100745.

I. Thời gian: 08h00 ngày 22/04/2026.

II. Địa điểm: Tại hội trường Tầng 2, Tòa nhà CT2, Số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

III. Thành phần tham dự Đại hội

- Các cổ đông của Công ty.
- Đại diện đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty: Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- Các ông bà là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ nhân viên của Công ty được triệu tập để phục vụ Đại hội.

IV. Diễn biến chính của Đại hội

1. Kiểm tra tư cách cổ đông

- Ông Vũ Tuấn Anh - Thay mặt ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội: Tại thời điểm 08 giờ 36 phút ngày 22/04/2026 tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 81 người, đại diện cho 215.638.849 cổ phần, tương ứng 215.638.849 phiếu biểu quyết, chiếm 52,43% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (căn cứ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 chốt ngày 16/03/2026 do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập).
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty đảm bảo đủ điều kiện tiến hành.

2. Đại hội giới thiệu đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội, đề cử Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu

2.1 Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội gồm:

- Ông Trịnh Văn Tuấn : Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội.
- Ông Vũ Ánh Dương : Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc công ty.
- Ông Võ Hồng Quang : Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc công ty.

2.2 Chủ Tọa Đại hội đề cử Ban Thư ký Đại hội và được Đại hội thông qua với tỷ lệ đồng ý 100% như sau:

- Bà Vũ Thị Lan Mỹ : Trưởng ban Thư ký

- Bà Nguyễn Ngọc Linh Chi : Thành viên

2.3 Chủ Tọa Đại hội đề cử Ban Kiểm phiếu Đại hội và được Đại hội thông qua với tỷ lệ đồng ý 100% như sau:

- Ông Vũ Tuấn Anh : Trưởng ban
- Ông Phạm Huy Khánh : Thành viên
- Bà Vũ Phương Hoa : Thành viên
- Bà Ngô Thị Diệu Linh : Thành viên
- Bà Trương Thị Hoài : Thành viên
- Ông Nguyễn Trường Giang : Thành viên
- Bà Cao Lam Giang : Thành viên

3. Thông qua Chương trình và Quy chế tại Đại hội

- Đoàn Chủ tịch công bố và Đại hội thông qua chương trình và nội dung Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
- Đại hội thông qua Quy chế về tổ chức và hoạt động của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.

4. Các Báo cáo và nội dung Tờ trình cần được cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội

- Ông Võ Hồng Quang trình bày: Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện năm 2025 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2026 và Báo cáo tài chính năm 2025 (đã được kiểm toán) *(Đính kèm Báo cáo của HĐQT và Báo cáo tài chính năm 2025 nêu trên)*;
- Ông Vũ Ánh Dương trình bày:
 - + Tờ trình số 01 của HĐQT về việc phân phối lợi nhuận năm 2025; chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026; thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2026
 - + Tờ trình số 02 của HĐQT về việc phương án tăng vốn điều lệ năm 2026
 - + Tờ trình số 03 của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị *(Đính kèm và các Tờ trình của HĐQT nêu trên)*.
- Bà Nguyễn Thị Hải Hà, Trưởng ban kiểm soát trình bày: Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát Công ty năm 2026; Tờ trình số 04 của BKS về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện BCTC năm 2026 của Công ty. *(Đính kèm Báo cáo và Tờ trình số 04 nêu trên của BKS)*.

5. Thảo luận tại Đại hội

Trong phần thảo luận, các cổ đông đã đặt các câu hỏi cho Đoàn Chủ tịch phân thành các nhóm nội dung chính và trả lời trực tiếp tại Đại hội. Chi tiết nội dung Thảo luận theo Phụ lục đính kèm.

6. Biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội

Đại hội tiến hành biểu quyết công khai để thông qua các nội dung theo chương trình nghị sự. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu biểu quyết theo quy định.

7. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết

Ông Vũ Tuấn Anh thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết *(Đính kèm Biên bản phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu)*.

8. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

8.1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2025 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2026

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 229.112.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

8.2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 229.112.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

8.3. Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát Công ty năm 2026

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 229.112.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

8.4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026

8.4.1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 229.112.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

8.4.2. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 229.112.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

8.5. Phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 229.112.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

8.6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện BCTC năm 2026 của Công ty

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 228.757.022 phiếu, chiếm 99,84% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

8.7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 229.112.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

8.8. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026

Nghị quyết được thông qua với số phiếu tán thành là 206.122.134 phiếu, chiếm 89,97% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

9. Thông qua Biên bản Đại hội và bế mạc Đại hội:

Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn PCI được lập vào hồi 12 giờ 20 phút ngày 22/04/2026 và được Đại hội biểu quyết thông qua 100%.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



Vũ Thị Lan Mỹ

**TM. BAN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA**



Trịnh Văn Tuấn

Phụ lục: Các nội dung Thảo luận tại Đại hội

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

1. Về chiến lược phát triển và mục tiêu tăng trưởng

Câu 1: Trụ cột cốt lõi của PC1 là gì? Chiến lược quản trị rủi ro của PC1 trong giai đoạn hiện nay như thế nào?

Trả lời:

Trụ cột kinh doanh cốt lõi: đầu tư năng lượng, đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, đầu tư lĩnh vực chế biến khoáng sản, giải pháp công nghệ riêng chuyên ngành.

Trụ cột kinh doanh chiến lược: Đầu tư kinh doanh bất động sản nhà ở, Tổng thầu EPC, Xây lắp điện và sản xuất công nghiệp.

Việc quản trị rủi ro được tích hợp ngay trong các hoạt động xây dựng chiến lược và quản trị vận hành. PC1 xây dựng khung quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro và nhận diện, đo lường từ đó đưa ra giải pháp theo từng kịch bản rủi ro của mỗi lĩnh vực, dự án cụ thể.

Câu 2: Kế hoạch kinh doanh năm 2026, doanh thu tăng nhưng chỉ tiêu lợi nhuận thấp hơn năm 2025? Có giải pháp tăng lợi nhuận không?

Trả lời:

Chỉ tiêu lợi nhuận năm 2026 thấp hơn năm 2025 vì các lý do sau:

- Các nhà máy thủy điện năm 2025 có kết quả lợi nhuận rất tốt do trong năm có lượng mưa cao hơn nhiều trong các năm. Năm 2026 các nhà máy có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi El Nino theo dự báo thời tiết dẫn đến giảm doanh thu và lợi nhuận. Khối năng lượng chiếm tỷ trọng lợi nhuận cao trong cơ cấu lợi nhuận của Tập đoàn. Tuy nhiên thực tế kết quả có thể cải thiện hơn nếu tình hình thủy văn tốt hơn dự báo.

- Khối khoáng sản chất lượng quặng khai thác, chi phí khai thác - sản xuất - vận chuyển bị ảnh hưởng tăng cao hơn năm 2025 cũng sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận lợi nhuận.

- Khối xây lắp điện, Tổng thầu EPC, Sản xuất công nghiệp doanh thu chiếm tỷ trọng cao nhưng chi phí đầu vào sẽ bị phát sinh tăng hơn do ảnh hưởng của cuộc chiến Trung Đông.

- Lãi suất vay ngắn hạn và dài hạn được dự báo sẽ tăng cũng tác động đến lợi nhuận năm 2026.

Câu 3: Ước kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2026 của Tập đoàn?

Trả lời:

Đặc thù hoạt động xây lắp Quý 1 thường chiếm tỷ trọng không cao trên tổng doanh thu năm. Cao điểm thường tập trung vào Quý 4 hàng năm. Doanh thu Quý 1/2026 ước khoảng 15%/Kế hoạch năm, lợi nhuận khoảng 25% kế hoạch năm.

Câu 4: Chỉ tiêu chi phí Xây dựng cơ bản dở dang (XDCBDD) tăng cao hơn so với năm 2025 là khoản gì?

Trả lời:

Chi phí XDCBDD tăng cao hơn so với năm 2025 là khoản đầu tư vào Nhà máy Bảo Lạc A, Nhà máy Thượng Hà và Nhà máy sản xuất cột thép của DAST tại Thái Nguyên năm 2026 các Nhà máy này đều có kế hoạch vận hành.

Câu 5: Công ty có dư vay ngoại tệ trong giai đoạn lãi suất Mỹ và tỷ giá chưa hạ nhiệt. Công ty có dự kiến chuyển đổi khoản vay không?

Trả lời:

Tỷ lệ dư nợ vay USD/ Tổng nợ vay chỉ chiếm khoảng 25% là không nhiều. Số dư vay ngoại tệ cũng đã được Fix lãi suất tới 65% chỉ còn thả nổi 35%. Lãi suất Mỹ và chênh lệch tỷ giá cũng được dự báo không tăng quá cao như các năm trước. Giá bán điện được tham chiếu theo đồng USD. Thời gian vay còn khoảng 9 năm nếu Công ty chuyển đổi khoản vay sang VNĐ thì sẽ bị ảnh hưởng tỷ lệ thả nổi là 100% lãi suất vay 12 tháng và chỉ có biên là cố định trong khi lãi suất VNĐ có xu hướng bắt đầu chu kỳ tăng. Với các lý do trên Công ty chưa quyết định chuyển đổi khoản vay ở thời điểm hiện tại.

2. Về nguồn vốn và phát hành tăng vốn

Câu 1: Mục đích phát hành tăng vốn? tại sao bao gồm mục đích trả nợ vay ngắn hạn?

Trả lời:

Theo chiến lược giai đoạn 2026-2030 PC1 có rất nhiều cơ hội đầu tư và mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh. Để quyết định đầu tư dài hạn PC1 luôn rất thận trọng trong công tác thẩm định hiệu quả dự án trước khi quyết định đầu tư. Trong quá trình đầu tư luôn có tính kế hoạch cao để đảm bảo đạt tiến độ đầu tư tốt nhất. Mục đích sử dụng vốn phát hành tăng thêm để đầu tư các Dự án năng lượng (Bảo Lạc A - 30 MW, Thượng Hà - 3 MW, điện mặt trời Điện Biên - 72 MW), bất động sản (PC1 Gia Lâm), trả nợ vay ngắn hạn và bổ sung vốn lưu động.

Để tối ưu dòng tiền từ phát hành tăng thêm, Công ty sử dụng một phần vốn này cho mục đích trả nợ vay ngắn hạn và bổ sung vốn lưu động, sau khi các Dự án đầu tư mới đủ điều kiện pháp lý thì sẽ được tài trợ bởi vốn dài hạn bao gồm cả vốn chủ và vốn vay bù đắp.

Câu 2: ESOP 3% là cao? Công ty có dự định tiếp tục chi trả ESOP trong dài hạn tiếp không?

Trả lời:

Phát hành ESOP 3% đã được ĐHCĐ thường niên 2025 thông qua nhưng Công ty tạm dừng thực hiện và trình lại tại Đại hội lần này do các thay đổi tại quy định của Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

Chiến lược PC1 2026 - 2030, mục tiêu tăng trưởng cao, bền vững, ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến và trách nhiệm xã hội cần có đội ngũ Lãnh đạo, cán bộ nhân viên năng lực, tâm huyết, gắn bó. Thực tế biến động lực lượng lãnh đạo cấp cao, lao động, lực lượng

quản lý trong ngành năng lượng, ngành công nghiệp giai đoạn hiện nay rất phức tạp, thu hút bởi các công ty FDI, các công ty tư nhân mới nhập ngành với chính sách ưu đãi bất thường ảnh hưởng đến lực lượng lao động có năng lực cao của PC1 nên PC1 cần phải có chính sách ESOP để thu hút và giữ chân nhân sự để đảm bảo tăng trưởng trong giai đoạn tới.

Trong 3 năm tới Công ty dự kiến không phát hành mới ESOP nên 3% là hợp lý chứ không cao.

3. Về lĩnh vực đầu tư năng lượng:

Câu 1: Kế hoạch đầu tư trong 5 năm tới công suất và tổng mức đầu tư bao nhiêu? Giá bán điện của các Nhà máy của PC1 năm 2026 có thay đổi không?

Trả lời:

Chiến lược 2026-2030, PC1 tập trung đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, tạo thành một chuỗi giá trị hệ sinh thái của PC1. Tập đoàn ưu tiên vào các nhóm thủy điện, điện mặt trời và đang định hướng đến một số dự án phạm vi quốc tế đồng hành cùng khối EPC, hạ tầng khu công nghiệp. Mục tiêu đạt công suất 1.000 MW vào năm 2030.

Về giá bán điện, tất cả nhà máy đang phát điện đã ký hợp đồng với EVN theo giá 20 năm từ ngày vận hành.

Câu 2: Tiến độ thực hiện Dự án nhà máy điện mặt trời ở Điện Biên?

Trả lời:

Nhà máy điện mặt trời ở Điện Biên, công suất 72 MW, dự kiến có thể vận hành phát điện vào quý 1/2027.

Câu 3: PC1 có kế hoạch đầu tư nhà máy Pin lưu trữ?

Trả lời:

PC1 không có kế hoạch đầu tư nhà máy Pin lưu trữ vì không nằm trong chiến lược đầu tư của PC1.

4. Về lĩnh vực đầu tư hạ tầng KCN:

Câu 1: Cập nhật tiến độ dự án Nomura 2?

Trả lời:

Dự án Nomura 2 đang triển khai thi công hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1 và sẽ hoàn thành các hạng mục quan trọng trong năm nay. Đến nay đã ký MOU 25ha với một đối tác FDI lớn, kế hoạch bàn giao cho khách hàng này dự kiến vào cuối năm 2026.

Câu 2: Mục đích thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh?

Trả lời:

PC1 thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ cho các khối đầu tư và kinh doanh: năng lượng, tổng thầu EPC, bất động sản khu công nghiệp làm việc

với các đối tác, khách hàng nhất là khách hàng nước ngoài tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về lĩnh vực bất động sản dân dụng

Câu 1: Dự án Tháp Vàng - Gia Lâm lợi nhuận hoạch toán năm 2026 như thế nào?

Trả lời:

Dự án Tháp Vàng - Gia Lâm đã hoàn thiện 100% và đang trong quá trình bàn giao cho khách hàng. Năm 2026 sẽ ghi nhận doanh thu khoảng 580 tỷ, biên lợi nhuận ước tính bằng năm 2025.

Câu 2: Tại sao thoái vốn tại dự án Vĩnh Hưng, PC1 có định thoái vốn thêm dự án nào nữa không?

Trả lời:

PC1 thoái vốn tại 1 số Dự án quy mô nhỏ, pháp lý chậm để tập trung nguồn lực vào các Dự án trọng tâm mới, tiến độ nhanh, thu hồi dòng tiền nhanh.

6. Về lĩnh vực xây lắp điện và tổng thầu EPC:

Câu 1: Tỷ lệ Doanh thu trong ngành điện và ngoài ngành điện là bao nhiêu? Biên lợi nhuận của Khối Tổng thầu EPC và Xây lắp điện năm 2026 như thế nào? Backlog hiện tại là bao nhiêu?

Trả lời:

Doanh thu trong và ngoài ngành xấp xỉ 50:50%. PC1 luôn cố gắng kiểm soát hiệu quả của lĩnh vực này với biên lợi nhuận dao động trong khoảng 7-10% tùy từng hợp đồng, dự án. Backlog hiện nay hơn 8.000 tỷ đồng.

Câu 2: Mục tiêu go global là gì?

Trả lời:

Với định hướng go global mục tiêu PC1 là: doanh thu thị trường quốc tế chiếm 40% trong tổng doanh thu trong hoạt động xây lắp, trở thành nhà tổng thầu EPC các dự án năng lượng tái tạo khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. PC1 đã ký hợp đồng và đang triển khai Dự án điện gió tại Philipines và tiếp tục phát triển thêm các dự án mới.

7. Về lĩnh vực khoáng sản:

Câu 1: Giá niken hiện nay như thế nào? Tiến độ giai đoạn 2 của Nhà máy?

Trả lời:

Nhu cầu Niken được dự báo tăng trong giai đoạn sắp tới do giới hạn nguồn cung từ Indonesia và sự tăng trưởng của Pin xe điện, pin lưu trữ tại trung tâm AI, BESS. Đối với giai đoạn 2 của Dự án, PC1 đang làm việc với các đơn vị tư vấn thiết kế để thúc đẩy nhanh quá trình đầu tư.



NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 ngày 22/04/2026;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các báo cáo sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2025 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2026.
2. Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam
3. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát Công ty năm 2026.

Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026:

2.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025
I	Trích lập các quỹ		
1	Quỹ khen thưởng	%/năm	7% LNST
2	Quỹ phúc lợi	%/năm	3% LNST
3	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành		
	- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành tính trên mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt kế hoạch năm	%/năm	2% LNST hợp nhất đạt kế hoạch
	- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành tính trên mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch năm	%/năm	5% LNST hợp nhất vượt kế hoạch
II	Chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu	%/năm	15% VDL

2.2 Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
I	Về sản xuất kinh doanh		
1	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	15.618
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	1.056
3	Chi trả cổ tức	%/VĐL	15%
II	Trích lập các quỹ		
1	Quỹ khen thưởng	%/năm	7% LNST
2	Quỹ phúc lợi	%/năm	3% LNST
3	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành		
	- <i>Quỹ thưởng ban quản lý điều hành tính trên mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt kế hoạch năm</i>	%/năm	2% LNST hợp nhất đạt kế hoạch
	- <i>Quỹ thưởng ban quản lý điều hành tính trên mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch năm</i>	%/năm	5% LNST hợp nhất vượt kế hoạch

+ Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định hình thức và mức thưởng cụ thể đối với Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (II.3).

Điều 3. Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

- Thù lao của HĐQT: Trích tối đa bằng 1% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất, mức thù lao của mỗi thành viên do HĐQT quyết định;

- Thù lao của Ban kiểm soát:

+ Trưởng Ban kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng.

+ Thành viên Ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/người/tháng.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo số thực chi thù lao của mỗi thành viên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 4. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện BCTC năm 2026

- Phê duyệt danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 trong nhóm Big 4 về lĩnh vực kiểm toán.


- Giao Tổng giám đốc lựa chọn 01 trong 04 đơn vị trên để thực hiện ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với mức giá phí hợp lý, phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty.

Điều 5. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

- Nội dung sửa đổi: Theo Phụ lục 01 đính kèm.

- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giao Tổng giám đốc thực hiện việc sửa đổi Điều lệ theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/04/2026. Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty. 

Nơi nhận:

- UBCKNN, HOSE (Báo cáo);
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Các cổ đông;
- Lưu VP

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trịnh Văn Tuấn

PHỤ LỤC

(Đính kèm Nghị quyết số Số: 01/NQ-PC1-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2026)

I. Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ

Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
Khoản 3 Điều 18	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. <u>Địa chỉ liên lạc của cổ đông là một trong các loại thông tin sau: địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú, địa chỉ nơi ở (hiện tại), nơi làm việc, số điện thoại, thư điện tử (email) hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc. Trường hợp Công ty gửi Thông báo mời họp bằng thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ được cung cấp bởi Cơ quan quản lý nhà nước về Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ thư điện tử do cổ đông đăng ký với Công ty.</u></p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp</p>

Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
	để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: ...	để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: ...
Khoản 3 Điều 26	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>...</p> <p><u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.</u></p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>....</p> <p><u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo:</u></p> <p>a) <u>có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u></p> <p>b) <u>có tối thiểu 01 thành viên độc lập.</u></p>

II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi sửa đổi, bổ sung
Điểm c Khoản 2 Điều 10	<p>Điều 10: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>...</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.</p>	<p>Điều 10: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>...</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại tối đa 05 công ty khác.</p>

III. Sửa đổi một số điều của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi sửa đổi, bổ sung
Điểm c Khoản 1 Điều 7	Điều 7. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau: ... c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.	Điều 7. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau: ... c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại tối đa 05 công ty khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1**

Số: 01/BB-KTTCCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 36 phút, ngày 22 tháng 04 năm 2026 tại Số 583 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, gồm:

1. Ông Vũ Tuấn Anh : Trưởng ban
2. Ông Phạm Huy Khánh : Thành viên
3. Bà Vũ Phương Hoa : Thành viên
4. Bà Ngô Thị Diệu Linh : Thành viên
5. Bà Trương Thị Hoài : Thành viên
6. Ông Nguyễn Trường Giang : Thành viên
7. Bà Cao Lam Giang : Thành viên

Đã thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty : 29.052 Cổ đông
- Tổng số người tham dự Đại hội : 81 Người
- Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự : 46 Người
- Tổng số cổ đông ủy quyền tham dự : 59 Người

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp là 215.638.849 cổ phần trong 411.285.343 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, tương ứng 215.638.849 phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm 52,43% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (căn cứ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 chốt ngày 16/03/2026 do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập).

Theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1.

Vì vậy ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty đảm bảo đủ điều kiện tiến hành.

Biên bản này được lập vào hồi 08 giờ 36 phút ngày 22/04/2026.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỘ ĐÔNG

Vũ Tuấn Anh



Phạm Huy Khánh



Vũ Phương Hoa



Ngô Thị Diệu Linh



Trương Thị Hoài



Nguyễn Trường Giang



Cao Lam Giang



Số: 01/BB-BBKP BQ

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Hôm nay, vào hồi 12 giờ 09 phút, ngày 22 tháng 04 năm 2026 tại Số 583 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, gồm:

1. Ông Vũ Tuấn Anh : Trưởng ban
2. Ông Phạm Huy Khánh : Thành viên
3. Bà Vũ Phương Hoa : Thành viên
4. Bà Ngô Thị Diệu Linh : Thành viên
5. Bà Trương Thị Hoài : Thành viên
6. Ông Nguyễn Trường Giang : Thành viên
7. Bà Cao Lam Giang : Thành viên

Trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết, Ban kiểm phiếu báo cáo số lượng cổ đông tham dự Đại hội tính đến thời điểm thực hiện biểu quyết như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty : **29.052 Cổ đông**
- Tổng số người tham dự Đại hội : 114 Người
- Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự : 60 Người
- Tổng số cổ đông ủy quyền tham dự : 81 Người

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp là 229.112.284 cổ phần trong 411.285.343 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, tương ứng 229.112.284 phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm 55,71% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (căn cứ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 chốt ngày 16/03/2026 do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập).

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội như sau:

- + Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp là 229.112.284 phiếu, chiếm 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu hợp lệ: 229.112.284 phiếu, chiếm tỷ lệ 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

NỘI DUNG 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2025 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2026

Tán thành	229.112.284 Phiếu	chiếm tỷ lệ 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

NỘI DUNG 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam

Tán thành	229.112.284 Phiếu	chiếm tỷ lệ 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

NỘI DUNG 3: Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát Công ty năm 2026

Tán thành	229.112.284 Phiếu	chiếm tỷ lệ 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

NỘI DUNG 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Tán thành	229.112.284 Phiếu	chiếm tỷ lệ 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

NỘI DUNG 5: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026

Tán thành	229.112.284 Phiếu	chiếm tỷ lệ 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

NỘI DUNG 6: Phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

Tán thành	229.112.284 Phiếu	chiếm tỷ lệ 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

NỘI DUNG 7: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện BCTC năm 2026 của Công ty

Tán thành	228.757.022 Phiếu	chiếm tỷ lệ 99,84% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	355.262 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,16% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

NỘI DUNG 8: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Tán thành	229.112.284 Phiếu	chiếm tỷ lệ 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

NỘI DUNG 9: Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026

Tán thành	206.122.134 Phiếu	chiếm tỷ lệ 89,97% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	22.990.150 phiếu	chiếm tỷ lệ 10,03% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	0 phiếu	chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

Biên bản này được lập vào hồi 12 giờ 09 phút ngày 22/04/2026.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

1. Ông Vũ Tuấn Anh



2. Ông Phạm Huy Khánh



3. Bà Vũ Phương Hoa



4. Bà Ngô Thị Diệu Linh



5. Bà Trương Thị Hoài



6. Ông Nguyễn Trường Giang



7. Bà Cao Lam Giang





PCI

Luôn luôn tin cậy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI (PCI GROUP JSC)

A: Tòa nhà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Liệt - Hà Nội - Việt Nam

W: www.pcigroup.vn

E: info@pcigroup.vn

F: +84 24 38231997

T: +84 24 38456329

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI

Hà Nội, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Định nghĩa.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ.....	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 33. Người điều hành công ty.....	33
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	34
Điều 35. Thư ký Công ty	35
IX. BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	35
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	36

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát....	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Công ty	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	40
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	41
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 48. Năm tài khóa	41
Điều 49. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	41
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	41
Điều 51. Báo cáo thường niên	41
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 52. Kiểm toán	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	42
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	42
XVIII. GIẢI THẺ CÔNG TY.....	42
Điều 54. Giải thẻ công ty	42
Điều 55. Gia hạn hoạt động	43
Điều 56. Thanh lý	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 59. Ngày hiệu lực	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua toàn văn theo Nghị quyết số 01/NQ-PC1-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và sửa đổi ngày 22/10/2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

g. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

h. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

i. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

j. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

k. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

n. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty và Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1**

Tên tiếng Anh: **PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **PC1 Group**



Biểu tượng Công ty:

Always Reliable

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 38456329

Fax: 024 38231997

Email: info@pc1group.vn

Website: www.pc1group.vn

4. Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập các Công ty TNHH MTV, các chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

III. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
1	<i>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</i> - Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng	6820	
2	<i>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</i>	6810	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
	- Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)		
3	<i>Đào tạo sơ cấp</i> Chi tiết: Đào tạo nghề xây lắp điện;	8531	
4	<i>Đào tạo trung cấp</i> Chi tiết: Đào tạo nghề xây lắp điện;	8532	
5	<i>Đào tạo cao đẳng</i> Chi tiết: Đào tạo nghề xây lắp điện;	8533	
6	<i>Xây dựng nhà để ở</i>	4101	
7	<i>Xây dựng nhà không để ở</i>	4102	
8	<i>Xây dựng công trình đường sắt</i>	4211	
9	<i>Xây dựng công trình đường bộ</i>	4212	
10	<i>Xây dựng công trình điện</i> (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Luật Điện lực 2004 và Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221 (Chính)	
11	<i>Xây dựng công trình cấp, thoát nước</i>	4222	
12	<i>Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc</i>	4223	
13	<i>Xây dựng công trình công ích khác</i>	4229	
14	<i>Xây dựng công trình thủy</i>	4291	
15	<i>Xây dựng công trình khai khoáng</i>	4292	
16	<i>Xây dựng công trình chế biến, chế tạo</i>	4293	
17	<i>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</i>	4299	
18	<i>Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa</i>	4662	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
	<i>thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>		
19	<i>Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm hoạt động dò mìn và nổ mìn)</i>	4312	
20	<i>Sản xuất điện</i> (Trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân)	3511	
21	<i>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4652	
22	<i>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</i> - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4659	
23	<i>Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh</i> (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4741	
24	<i>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</i> Chi tiết: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình, Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát	7110	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
	<p>triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát xây dựng bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Kiểm định xây dựng. - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Lập quy hoạch xây dựng - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình điện, bao gồm: Nhiệt điện (trong đó có điện sinh khối, nhà máy điện sử dụng chất thải rắn), thủy điện và các dạng năng lượng tái tạo khác; đường dây và trạm biến áp; - Tư vấn giám sát thi công công trình điện, bao gồm: Nhiệt điện (trong đó có điện sinh khối, nhà máy điện sử dụng chất thải rắn), thủy điện và các dạng năng lượng tái tạo khác; đường dây và trạm biến áp. 		
25	<p><i>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết: Sản xuất chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp; 	3290	
26	<p><i>Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại</i></p>	2592	
27	<p><i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) 	8299	
28	<p><i>Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết: Khai thác, chế biến đá các loại; 	0810	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
29	<i>Lắp đặt hệ thống điện</i>	4321	
30	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Tư vấn đầu tư;	6619	
31	<i>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</i> - Chi tiết: Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình; Hàn nổi cáp quang, thí nghiệm trước và sau khi hàn nổi cáp quang; Thí nghiệm, đo điện trở tiếp địa các công trình điện; Lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, đường dây cáp quang;	7490	
32	<i>Khai thác quặng sắt</i>	0710	
33	<i>Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt</i>	0722	
34	<i>Sản xuất sắt, thép, gang</i>	2410	
35	<i>Sản xuất các cấu kiện kim loại</i>	2511	
36	<i>Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại</i>	2591	
37	<i>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</i> - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933	
38	<i>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</i> - Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4649	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty cho cổ đông và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty hiện nay 4.112.853.430.000 đồng (Bốn nghìn một trăm mười hai tỷ, tám trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi nghìn Việt Nam đồng). Vốn điều lệ được thay đổi ngày 24/11/2025.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 411.285.343 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần

được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển

nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết, người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó là Cổ đông của Công ty nhưng quy định này không phủ nhận rằng cổ phần thuộc quyền sở hữu của Cổ đông đã chết không còn liên quan về nghĩa vụ tài chính đối với những nghĩa vụ hoặc cam kết mà Cổ đông đó đã thực hiện (nếu có).

4. Trường hợp cổ phần của Cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số Cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là Cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì Cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành Cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành Cổ đông của Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Điều 8.2 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp..

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

c. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị.
 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; [;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại

đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Địa chỉ liên lạc của cổ đông là một trong các loại thông tin sau: địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú, địa chỉ nơi ở (hiện tại), nơi làm việc, số điện thoại, thư điện tử (email) hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc. Trường hợp Công ty gửi Thông báo mời họp bằng thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ được cung cấp bởi Cơ quan quản lý nhà nước về Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ thư điện tử do cổ đông đăng ký với Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường

hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty..

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất

cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo:

a) có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b) có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên

Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHQĐCĐ;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ Cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f) Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Công ty

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của

Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội

đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần tập đoàn PC1 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này được sửa đổi ngày 22/04/2026.

2. Điều lệ được lập thành 01 bản và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Anh Dương



PC1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1 (PC1 GROUP JSC)

A: Tòa nhà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Liệt - Hà Nội - Việt Nam

Luôn luôn tin cậy

W: www.pc1group.vn

E: info@pc1group.vn

F: +84 24 38231997

T: +84 24 38456329

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Sửa đổi lần 02)

Hà Nội, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	1
Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	1
Điều 3: Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	2
Điều 4: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.....	2
Điều 5: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	3
Điều 6: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây.....	7
Điều 7: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:.....	9
Điều 8: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:.....	9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 9: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 10: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây.....	11
Điều 11: Thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị.....	14
Điều 12: Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung sau:.....	14
Điều 13: Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	16
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	17
Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát... ..	17
Điều 15: Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.....	18
Điều 16: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát.....	18
Điều 17: Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.....	19
Điều 18: Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát.....	19
Điều 19: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	19
Điều 20: Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....	19
Điều 21: Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	19
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC	20
Điều 22: Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	20

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn PC1;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PC1-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi theo Nghị quyết số 01/NQ-PC1-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông công ty đại chúng có các quyền sau đây:

- a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu

Điều 23: Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:.....	20
Điều 24: Miễn nhiệm Tổng Giám đốc	21
Điều 25: Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc.....	21
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	21
Điều 26: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	21
Điều 27: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	21
Điều 28: Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.....	21
Điều 29: Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc.....	21
Điều 30: Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	22
Điều 31: Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	22
Điều 32: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc	23
Điều 33: Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	23
Điều 34: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.....	23
CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT	25
Điều 35: Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Cán bộ quản lý.	25
Điều 36: Khen thưởng.....	25
Điều 37: Kỷ luật.....	25
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	26
Điều 38: Hiệu lực thi hành.....	26

đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố về hoạt động của công ty;
- d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Điều 3: Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 5: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp:

- a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại cổ phần của từng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Hội đồng quản trị phải thông báo ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ ít nhất 20 ngày trước ngày chốt danh sách, thông báo phải được đưa lên Website của công ty.

4. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- a) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- c) Trường hợp người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây;
- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật doanh nghiệp;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật doanh nghiệp vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào họp.

6. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong điều lệ công ty.

7. Điều kiện tiến hành

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật doanh nghiệp này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

8. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

9. Cách thức bỏ phiếu

- a) Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình sẽ thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp công khai tại đại hội.
- b) Đối với việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị và bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát được tiến hành theo hình thức bầu dồn phiếu.

10. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

- a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- c) Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, bầu thành viên Ban kiểm soát: thì người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi có đủ thành viên theo quy định tại điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- a) Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội với từng vấn đề biểu quyết;
- b) Kết quả biểu quyết phải được ghi vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

13. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

d) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời

hợp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

14. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- b) Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có tính hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 6: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp;
- b) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- d) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
 - Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
- f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cách thức bỏ phiếu;
7. Cách thức kiểm phiếu;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Vai trò của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật,

Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

- Quyền được cung cấp thông tin:

+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng giám đốc và người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh của công ty và của các đơn vị trong Công ty

+ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị.

- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác: Theo quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

b) Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao 1 cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty và cổ đông;

- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, làm dụng địa vị, chức vụ tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 10: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

3. Tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT độc lập:

- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trong trường hợp điều lệ không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
 - Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng

quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
- b) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng quản trị bị mất năng lực hành vi dân sự;
- d) Các trường hợp khác theo pháp luật và theo Điều lệ công ty.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu; Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan đến công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có)

- b) Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

Điều 11: Thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 12: Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung sau:

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Các trường hợp phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Hội đồng quản trị họp bất thường trong các trường hợp xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định):

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- c) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát có các quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không có đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1 nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b) Việc ủy quyền cho người khác tham dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:
- c) Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp nhận.
- d) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

f) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 13: Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty;

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện các công việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị;

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không được trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

- a) Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- b) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- c) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- d) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- e) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- f) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- g) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- h) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- i) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- j) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

- a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
- e) Trường hợp vi phạm quy định mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
- f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 15: Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.

Điều 16: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

Điều 17: Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 18: Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được tiến hành theo phương thức bầu dồn phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này.

Điều 20: Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 21: Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 22: Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.

1. Vai trò, trách nhiệm:

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 23: Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

- a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.
- b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 24: Miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 25: Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 26: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 27: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại quy chế này.

Điều 28: Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm theo phương thức như gửi cho thành viên HĐQT.

Điều 29: Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc

Nghị quyết/quyết định, biên bản họp HĐQT (Đối với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm theo phương thức như gửi cho thành viên HĐQT.

Điều 30: Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị

a) Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, của thành viên Ban kiểm soát không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và điều lệ công ty;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

b) Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ công ty không được thực thi;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của những người điều hành khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị

- a) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý công ty;
- c) Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- d) Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- e) Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- f) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g) Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 31: Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- 1. Báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và ĐHĐCĐ ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 32: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 23 của quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng giám đốc.

Điều 33: Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị
 - a) Các nội dung theo Điều 31 của quy chế này;
 - b) Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
 - c) Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.
2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát
 - a) Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - b) Tổng giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
 - c) Các thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với HĐQT.

Điều 34: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Nguyên tắc phối hợp:

HĐQT, BKS và TGD phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

 - a) Phân định giữa các chức năng, nhiệm vụ nhằm đảm bảo sự minh bạch;

- b) Luôn vì lợi ích chung của Công ty nhằm đưa công ty phát triển bền vững;
- c) Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật liên quan và của Công ty;
- d) Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).

2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với TGD:

- a) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, theo đề nghị bằng văn bản của TGD. Đề nghị của TGD phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- b) TGD phải triệu tập cuộc họp những người điều hành theo yêu cầu của HĐQT;
- c) Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ họp với TGD (có thể kết hợp với phiên họp HĐQT định kỳ hàng quý) để kiểm điểm việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của HĐQT và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD; TGD báo cáo với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- d) Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, TGD phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu trong vòng 05 ngày làm việc hoặc thời hạn khác được thống nhất với thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp các thông tin đó.
- e) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của công ty hoặc các sự kiện cần thiết khác, TGD cần báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và thành viên của HĐQT có liên quan.
- f) Các hoạt động phối hợp khác theo quy định của pháp luật và công ty.

3. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- b) Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên của HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được cấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c) Các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý công ty. Tùy theo kết quả và mức độ của cuộc kiểm tra trên, BKS cần báo cáo thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất được quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- d) Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- e) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f) Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất 07 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.
- g) Các hoạt động phối hợp khác theo quy định của pháp luật và công ty.

4. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD:

- a) Các báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành phải được gửi đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
- b) BKS được yêu cầu TGD cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Trưởng BKS phải triệu tập họp BKS khi có yêu cầu của TGD. Các biên bản họp BKS trong trường hợp này phải được gửi tới TGD
- d) Các hoạt động phối hợp khác theo quy định của pháp luật và công ty.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 35: Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Cán bộ quản lý.

1. Thẩm quyền đánh giá:

- a) Chủ tịch HĐQT sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT;
- b) HĐQT sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do HĐQT bổ nhiệm;
- c) Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên BKS.
- d) TGD sẽ đánh giá các hoạt động của người điều hành khác do TGD bổ nhiệm.

2. Tiêu chí, xếp loại đánh giá:

Tiêu chí, xếp loại đánh giá thành viên HĐQT, thành viên BKS và người điều hành theo quy định của Công ty.

Điều 36: Khen thưởng

1. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người điều hành có thành tích trong việc quản trị, điều hành công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty;

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định của công ty.

Điều 37: Kỷ luật

Các thành viên HĐQT, BKS và Người điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật và của Công ty.

CHƯƠNG VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38: Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn PCI bao gồm 8 Chương, 38 Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. *WNT*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Trịnh Văn Tuấn





PCI

Luôn luôn tin cậy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI (PCI GROUP JSC)

A: Toà nhà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Liệt - Hà Nội - Việt Nam

W: www.pcigroup.vn E: info@pcigroup.vn F: +84 24 38231997 T: +84 24 38456329

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Sửa đổi lần 01)

Hà Nội, tháng 4 năm 2026



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi điều chỉnh

1. Mục đích: Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1 được xây dựng và ban hành nhằm mục đích cụ thể hóa và quy định chi tiết về phạm vi, quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm, cách thức tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), mối quan hệ giữa HĐQT với Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã được quy định trong Điều lệ Công ty.

2. Đối tượng điều chỉnh: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các bộ phận và cá nhân giúp việc cho HĐQT.

Điều 2. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham khảo

1. Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (gọi tắt là “Luật doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (gọi tắt là “Luật chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1.

5. Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1.

6. Các tài liệu liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. Quy chế: Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1.

2. Công ty: Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1;

3. Điều lệ: Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1;

4. HĐQT: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1;

5. BKS: Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1;

6. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1;

7. Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1;

8. Ban tổng giám đốc: bao gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc;

9. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định của Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp.

Các thuật ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định ở Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức hoạt động

1. HĐQT Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1 do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty cổ phần.
3. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với hoạt động và sự phát triển của Công ty.
4. HĐQT giải quyết công việc theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật; đảm bảo sự giám sát của ĐHĐCĐ, BKS trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.
5. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT là (05) năm người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quyết định dựa trên các yêu cầu của pháp luật, nhu cầu cụ thể của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng giai đoạn.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

- Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT đó.
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

3. Cơ cấu HĐQT:

- HĐQT bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra theo nguyên tắc quá bán.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đảm bảo các thành viên HĐQT đủ năng lực để phụ trách các hoạt động cốt lõi của công ty và phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 6. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị

1. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. HĐQT sẽ chỉ định một (hoặc một số) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Thực hiện thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
- b. Giúp việc cho thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Giúp việc cho HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d. Giúp việc cho Công ty trong xây dựng quan hệ Cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e. Giúp việc cho Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

3. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký công ty.

Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tham mưu HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tham mưu về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp của HĐQT;
- e. Tham mưu thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 7. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - c. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác, nhưng không quá 05 công ty.
 - d. Ngoài ra, cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:
 - Có tố chất lãnh đạo, liêm chính, trách nhiệm, chín chắn, đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;
 - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
 - Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức;
 - Kỹ năng giao tiếp tốt.
2. Thành viên HĐQT độc lập phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 8. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- b. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 9. Phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT sẽ được thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín và bầu dồn phiếu.

2. Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT.

3. Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.

4. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 10. Không còn tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Thành viên HĐQT bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- d. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
- e. Bị cơ quan Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HĐQT.

3. Các thành viên HĐQT sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định pháp luật và Điều lệ công ty trong thời gian đương nhiệm.

4. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và công bố thông tin.

Điều 11. Cách thức thay thế thành viên HĐQT

1. Đối với việc miễn nhiệm

- Trường hợp một thành viên HĐQT không đủ tư cách theo quy định của pháp luật hoặc không đủ năng lực hành vi thì HĐQT chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo và đề xuất, trình HĐQT biểu quyết quyết định.
- Đối với trường hợp từ nhiệm của thành viên HĐQT, việc miễn nhiệm chỉ có hiệu lực khi có Nghị quyết bằng văn bản của HĐQT.

2. Đối với việc bãi nhiệm

- Đối với trường hợp thành viên HĐQT bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT, HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp để ban hành Nghị quyết.
- Đối với trường hợp thành viên HĐQT: không hoàn thành nhiệm vụ, gian dối .v.v.. HĐQT sẽ phải thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo và đề xuất trình HĐQT biểu quyết quyết định.

3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
- b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trong trường hợp bị số lượng thành viên HĐQT giảm quá 1/3 (một phần ba) so với tổng số thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày bị giảm quá 1/3, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Chương IV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông

2. Nhiệm vụ chung: HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ quản lý công ty, giám sát các hoạt động điều hành của TGD, các phó TGD, kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác.

3. Quyết định chiến lược phát triển công ty theo định hướng đã được ĐHĐCĐ thông qua:
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Kiến nghị bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh;
4. Kiện toàn tổ chức công ty:
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.
5. Các nội dung về tài chính và ngân sách:
- Kiến nghị các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán;
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm.
6. Phê duyệt và ký kết hợp đồng:
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
7. Tổ chức ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- HĐQT có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - HĐQT có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp:

- + Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - + Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - + Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (năm) 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị theo Khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - + Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Khi triệu tập họp ĐHDCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
 - + Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
 - + Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - + Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - + Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - + Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - + Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - + Các công việc khác phục vụ đại hội.
 - HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
8. Kiểm soát, công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch
9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị Công ty.
10. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phụ trách chung và chịu trách nhiệm cao nhất về các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của HĐQT theo Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty, với các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Chuẩn bị chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ, ký giấy triệu tập họp ĐHĐCĐ, phân giao chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ cho các bộ phận, cá nhân có liên quan.
3. Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến; Tổ chức, gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền được họp ĐHĐCĐ; Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu, và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong vòng 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
4. Lập chương trình, kế hoạch hành động của HĐQT.
5. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
6. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp HĐQT hoặc để lấy ý kiến của các thành viên HĐQT; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp của HĐQT.
7. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định của HĐQT; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.
8. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
9. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo đúng quy chế hoạt động của HĐQT và sự phân công của HĐQT một cách trung thực vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.
3. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Công ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề liên quan đến báo cáo.
4. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường khi cần theo quy định của Điều lệ Công ty.
5. Tham dự các cuộc họp HĐQT; thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, trừ trường hợp không được giải quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó.
6. Triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
7. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT và BKS về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

8. Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

9. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, ĐHCĐ và HĐQT về hoạt động của mình.

10. Thành viên HĐQT phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
- d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Chương V

CHẾ ĐỘ HỌP, LẤY Ý KIẾN VÀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của HĐQT;
- d. Có đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên liên tục trong 6 tháng.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Thời gian triệu tập họp HĐQT

- Cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- Cuộc họp HĐQT bất thường: Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất (03) ba ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

8. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Khoản 8b Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Khoản 8d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định

cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 42 của Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

9. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

10. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến hoặc các hình thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự họp khi:

- Các thông tin về việc ủy quyền được gửi bằng văn bản hoặc email đến các thành viên HĐQT và Thư ký Công ty ít nhất (02) ngày làm việc trước ngày họp HĐQT.
- Các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết chấp thuận việc ủy quyền này ít nhất một (01) ngày trước ngày họp HĐQT (có thể thông qua văn bản hoặc email). Việc ủy quyền sẽ có hiệu lực khi được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Khi việc ủy quyền được chấp thuận, thành viên HĐQT sẽ xác lập văn bản ủy quyền với nội dung và phạm vi ủy quyền đã được các Thành viên HĐQT khác chấp thuận và người được ủy quyền sẽ có trách nhiệm xuất trình trước cuộc họp HĐQT.
- Văn bản ủy quyền của thành viên HĐQT phải có tối thiểu các nội dung sau:
 - (i) Họ tên, các thông tin cá nhân và vị trí công tác của người được ủy quyền;
 - (ii) phạm vi ủy quyền phải được đề cập rõ phạm vi, bao gồm một phần hay toàn bộ về (1) ủy quyền dự họp, (2) ủy quyền biểu quyết, (3) ủy quyền nêu ý kiến,

diễn giải các ý kiến về những vấn đề cụ thể theo chương trình họp và/hoặc bất cứ vấn đề nào phát sinh trong cuộc họp HĐQT

Việc ủy quyền này không có nghĩa là người được ủy quyền đưa ra các ý kiến cá nhân của mình cho các nội dung trong cuộc họp HĐQT. Người được ủy quyền chỉ được đưa ra các ý kiến trong phạm vi được ủy quyền và người ủy quyền vẫn chịu trách nhiệm cho các nội dung mình ủy quyền đó. Người được ủy quyền có trách nhiệm bảo mật thông tin và người ủy quyền chịu trách nhiệm cho việc bảo mật thông tin của người được ủy quyền.

Việc ủy quyền này không làm mất quyền gửi các ý kiến, biểu quyết... bằng văn bản của thành viên HĐQT ủy quyền.

14. Biên bản họp HĐQT:

- Thư ký công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.
- Biên bản họp HĐQT có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký theo Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp có hiệu lực thi hành. Trường hợp chủ tọa, thư ký ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật thì biên bản này có hiệu lực.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, THỦ LAO, QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP ỦY QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm vụ của các thành viên HĐQT được quy định tại một Quyết định riêng của HĐQT về việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT công ty.

2. Căn cứ mục tiêu, chương trình, kế hoạch, định hướng phát triển từng năm và từng giai đoạn của Công ty, căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể và trình Chủ tịch HĐQT.

3. Căn cứ chương trình công tác chung của HĐQT đã được phê duyệt và nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT đã được phân công, từng thành viên HĐQT chủ động thực hiện chương trình công tác của mình.

Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Điều 18. Thù lao, lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Điều kiện làm việc của thành viên Hội đồng quản trị

1. Ban Tổng giám đốc, các Phòng, Ban công ty, đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều 10 Quy chế này, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng, ban chức năng của Công ty có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị

HĐQT phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền được thể hiện bằng biểu quyết của các thành viên HĐQT và được thông qua theo quy định của pháp luật. Những trường hợp không có phân cấp, ủy quyền của HĐQT Tổng giám đốc được điều hành và quyết định các vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc quy định trong Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty.

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

3. Phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

4. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.

5. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc (nếu có) vì lợi ích chung của Công ty.

6. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là mối quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề liên quan trong quá trình xử lý công việc.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực khác do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT có ý kiến khác nhau thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp lấy ý kiến các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu có liên quan. Việc bàn giao phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc

1. HĐQT bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHCĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

3. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng giám đốc chủ trì.

4. Tại phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ vào nội dung họp để quyết định mời các cán bộ quản lý của Công ty, đơn vị trực thuộc có liên quan để tham dự cuộc họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).

5. Các cán bộ quản lý Công ty chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Trong trường hợp phát hiện rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự kiện xét thấy cần thiết khác, cán bộ quản lý

Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công tác đó biết để chỉ đạo kịp thời.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên BKS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS.

2. Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo rằng thông báo mời họp, chương trình, nội dung các cuộc họp, phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như với thành viên HĐQT.

3. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc trong vòng 7 ngày kể từ ngày xác lập.

4. Đối với đề xuất của BKS về số lượng thành viên BKS thời gian phản hồi ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong thời hạn 7 ngày.

5. Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, thời gian phản hồi ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong vòng 7 ngày.

6. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên BKS có thể đề nghị HĐQT cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như nghị quyết, quyết định, biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho các thành viên BKS cùng với việc cung cấp cho các thành viên HĐQT.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 bao gồm 8 Chương, 25 Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trịnh Văn Tuấn

Số: 02/NQ-PC1-ĐHĐCD

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 ngày 22/04/2026;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 theo Tờ trình số 02/TTr-PC1-HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

Chi tiết nội dung theo Tờ trình số 02/TTr-PC1-HĐQT ngày 30/03/2026 đính kèm.

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/04/2026.

Điều 3. Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HOSE (Báo cáo);
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Các cổ đông;
- Lưu VP

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trịnh Văn Tuấn

TỜ TRÌNH - 02

V/v: Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1;
- Căn cứ vào nhu cầu nguồn vốn và kế hoạch đầu tư – kinh doanh của Công ty trong năm 2026.

Theo chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“PC1”/“Công ty”), Công ty sẽ tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô SXKD, theo đó PC1 tập trung đẩy mạnh đầu tư các dự án năng lượng và các dự án bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp, để góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện phát triển bền vững, đồng thời nâng cao năng lực tự chủ tài chính và lợi ích cho cổ đông. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án tăng vốn điều lệ với các nội dung tổng quan và cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2026

1. Thông tin về tổ chức phát hành

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
- Tên viết tắt: PC1 GROUP
- Vốn điều lệ: 4.112.853.430.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (+84) 24 3734 3060 Fax: (+84) 24 3823 1997
- Website: <https://pc1group.vn>
- Nơi mở tài khoản doanh nghiệp: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở Giao dịch
- Số hiệu tài khoản: 00 11 00 668 66 88

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100745 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/07/2005 và Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 11/12/2025.

2. Tổng quan phương án tăng vốn điều lệ 2026

STT	Đối tượng và hình thức phát hành/chào bán	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa	Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa theo mệnh giá (đồng)
1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	61.692.801	616.928.010.000
2	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	74.031.362	740.313.620.000
3	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP)	12.338.560	123.385.600.000
	Tổng cộng	148.062.723	1.480.627.230.000

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN CỤ THỂ

1. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 với các nội dung như sau:

1.1 Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

STT	Phương án	Nội dung
1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
2	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
3	Sàn niêm yết	HOSE
4	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện tại	4.112.853.430.000 đồng
7	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	411.285.343 cổ phiếu
8	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu

STT	Phương án	Nội dung
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức năm 2025.	Tối đa 61.692.801 cổ phiếu (tương đương 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 31/12/2025)
10	Tổng giá trị phát hành thêm tính theo mệnh giá dự kiến	Tối đa 616.928.010.000 đồng
11	Tỷ lệ phát hành	15% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 (tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền, và cứ 100 quyền sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) quyền nhận cổ tức năm 2026.
12	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
13	Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	Số cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy. Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 8 cổ phiếu, số quyền được hưởng là 8, tương đương với số cổ phiếu trả cổ tức được nhận theo tỷ lệ phát hành là $8 \times 0,15 = 1,2$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống nêu trên, số cổ phiếu trả cổ tức mà cổ đông Nguyễn Văn A được nhận là 1 cổ phiếu; 0,2 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
14	Nguồn vốn phát hành	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
15	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
16	Thời gian phát hành dự kiến	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian phát hành cụ thể, dự kiến trong năm 2026.

1.2 Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế phát hành được theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Số cổ phiếu nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”).

1.3 Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ của công ty theo số vốn thực tế tăng thêm từ đợt phát hành.

Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.

1.4 ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định và triển khai các nội dung liên quan đến việc phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Quyết định thời điểm phát hành, xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định chi tiết và chỉnh sửa, bổ sung phương án phát hành tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm phát hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu;

- Lựa chọn thời gian phù hợp để chốt ngày thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp, theo đúng quy định của pháp luật;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN;

- Thực hiện các công việc cần thiết khác để cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE;

- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;

- Các công việc khác để thực hiện phương án phát hành nêu trên;

- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

2. Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

2.1. Phương án chào bán cụ thể

STT	Phương án	Nội dung
1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
2	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
3	Sàn niêm yết	HOSE
4	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện tại	4.112.853.430.000 đồng
7	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	411.285.343 cổ phiếu
8	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán (tối đa)	74.031.362 cổ phiếu. (Tương đương 18% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 31/12/2025)
10	Phương thức chào bán	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
11	Tỷ lệ thực hiện	18% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:18. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và cứ 100 (một trăm) quyền sẽ được quyền mua 18 (mười tám) cổ phiếu phát hành thêm
12	Nguyên tắc xác định giá chào bán	Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại thời điểm phát hành, căn cứ diễn biến thị trường; trong đó mức giá chào bán được xác định không thấp hơn 80% mức giá đóng cửa bình quân của cổ phiếu PC1 trong hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất liền trước ngày Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán nhưng không thấp hơn 20.000 đồng/cổ phiếu, đồng thời bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.
13	Tổng giá trị huy động vốn dự kiến	1.480.627.240.000 đồng
14	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách

STT	Phương án	Nội dung
		<p>cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.</p>
15	<p>Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ</p>	<p>Nguyên tắc làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Toàn bộ số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác theo quy định tại mục 18 bên dưới.</p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 1.224 cổ phiếu. Theo tỷ lệ thực hiện quyền là 100:18, cổ đông A sẽ được nhận số lượng cổ phiếu mới chào bán thêm tương ứng là $(1.224/100) \times 18 = 220,32$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh, số lượng cổ phiếu của cổ đông Nguyễn Văn A được đăng ký mua sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 220 cổ phiếu; 0,32 cổ phiếu lẻ thập phân sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý số cổ phiếu dôi ra do làm tròn (cổ phiếu lẻ) như bên dưới</p>
16	<p>Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán</p>	<p>Không áp dụng (Căn cứ theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP do đợt chào bán này thuộc trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu).</p>
17	<p>Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài</p>	<p>Ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.</p>
18	<p>Phương án xử lý đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh, cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, thực hiện không hết quyền mua</p>	<p>Giá chào bán: Ủy quyền cho HĐQT quyết định tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.</p> <p>Đối tượng và phương thức phân phối: Giao và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và quyết định việc phân phối cho các nhà đầu tư khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ</p>

STT	Phương án	Nội dung
		phần) đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
19	Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án	Trong trường hợp cổ phiếu không được đăng ký mua hết dẫn đến số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT cân đối lại nguồn vốn và sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác để đưa ra phương án xử lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.
20	Chuyển nhượng quyền mua	Quyền mua cổ phiếu chào bán không được phép chuyển nhượng
21	Hạn chế chuyển nhượng	Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua được tự do chuyển nhượng; Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, thực hiện không hết quyền mua, cổ phiếu lẻ được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
22	Thời gian thực hiện	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thời gian phát hành cụ thể, dự kiến trong năm 2026.

2.2. Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo giá chào bán tối thiểu 20.000 đồng/cổ phiếu là 1.480.627.240.000 đồng. Số tiền này sẽ được phân bổ theo tỷ lệ % tương ứng như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Tỷ lệ sử dụng vốn trên tổng số tiền thu được từ đợt chào bán (%)	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian dự kiến
I	Góp vốn để thực hiện các dự án năng lượng đang đầu tư			

	Góp vốn để tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm (là công ty con do PCI sở hữu 60% vốn điều lệ) để thực hiện Dự án thủy điện Bảo Lạc A (công suất 30 MW) và Dự án thủy điện Thượng Hà (công suất 13 MW)	8,4%	124.800	Dự kiến trong năm 2026 - 2027
II	Dự án năng lượng tái tạo mới			
	Góp vốn để tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Điện mặt trời Điện Biên (là công ty con do PCI sở hữu 85% vốn điều lệ) để thực hiện Dự án Điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu (công suất 72 MW)	20,7%	306.000	Dự kiến trong năm 2026 - 2027
III	BDS Dân dụng			
	Bổ sung vốn để thực hiện Dự án khu nhà ở PCI Gia Lâm do Công ty làm chủ đầu tư	8,1%	120.000	Dự kiến trong năm 2026 - 2027
IV	Mục đích khác			
1	Thanh toán các khoản vay tín dụng ngắn hạn và ủy quyền cho HĐQT xác định chi tiết việc sử dụng vốn để trả nợ vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, bao gồm: ngân hàng cho vay, số tiền trả nợ theo từng hợp đồng tín dụng.	47,3%	700.000	Dự kiến trong năm 2026 - 2027
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và ủy quyền cho HĐQT xác định chi tiết mục đích sử dụng vốn (thanh toán chi phí vận hành, mua sắm vật tư, thiết bị, chi phí quản lý...)	15,5%	229.827	Dự kiến trong năm 2026 - 2027
Tổng cộng		100%	1.480.627	

- Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua, HĐQT được quyền quyết định gửi tiền có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn trong thời gian chờ giải ngân, đồng thời đảm bảo phù hợp với tiến độ triển khai các dự án theo phương án sử dụng vốn.

- Trường hợp tiến độ huy động vốn từ đợt chào bán kéo dài hơn dự kiến, dẫn đến dòng tiền thu được từ đợt chào bán chưa kịp đáp ứng tiến độ thanh toán của các dự án, HĐQT được quyền tạm thời sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác của Công ty để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo phương án sử dụng vốn; sau đó sẽ hoàn trả/bù đắp bằng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán sau khi hoàn tất đợt phát hành.

- Trong trường hợp Công ty huy động không đủ số tiền dự kiến theo kế hoạch nêu trên thì số tiền thu được thực tế từ đợt chào bán sẽ được phân bổ theo tỷ lệ % tương ứng được nêu tại bảng trên.

- Trường hợp số tiền huy động thực tế từ đợt chào bán cao hơn kế hoạch ban đầu (do giá chào bán thực tế có thể cao hơn giá tối thiểu 20.000 đồng/cổ phiếu), số tiền huy động vượt kế hoạch ban đầu đó sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản vay tín dụng ngắn hạn và ủy quyền cho HĐQT xác định chi tiết việc sử dụng vốn để trả nợ vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, bao gồm: ngân hàng cho vay, số tiền trả nợ theo từng hợp đồng tín dụng.

2.3. Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế phát hành được theo phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”).

2.4. Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ của công ty theo số vốn thực tế tăng thêm từ đợt phát hành

Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.

2.5. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định và triển khai các nội dung liên quan đến đợt chào bán, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Lựa chọn thời điểm chào bán, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để đăng ký chào bán cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định chi tiết và chỉnh sửa, bổ sung phương án chào bán tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm chào bán hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất việc chào bán cổ phiếu;

- Quyết định giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại thời điểm phát hành, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc xác định giá chào bán được nêu ở trên;

- Tính toán tỷ lệ phát hành chi tiết căn cứ trên số lượng cổ phiếu phát hành tối đa đã được ĐHCĐ thông qua ở trên;

- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

- Lựa chọn thời gian phù hợp để chốt ngày thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo việc chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp, theo đúng quy định của pháp luật;

- Quyết định Phương án xử lý đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh, cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, thực hiện không hết quyền mua;

- Quyết định Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án; Tùy tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng vốn tại thời điểm chào bán, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định Phương án sử dụng vốn chi tiết (bao gồm chi tiết kế hoạch đầu tư và tiến độ sử dụng vốn), quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán, đảm bảo tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả đợt chào bán với UBCKNN;

- Thực hiện các công việc cần thiết khác để cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE;

- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;

- Các công việc khác để thực hiện phương án chào bán nêu trên;

- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

3. Phương án phát hành ESOP 2026

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên trong công ty (Chương trình ESOP-2026) với các nội dung như sau:

3.1. Căn cứ

- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 (ESOP 2025) được ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-PC1-ĐHCĐ ngày 25/4/2025 đã tạm dừng triển khai do Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 có hiệu lực từ ngày ban hành, sửa đổi bổ sung một

số điều liên quan đến phát hành cổ phiếu cho người lao động, khiến phương án ESOP 2025 của Công ty chưa đáp ứng được các quy định mới;

- Thực tế biến động lực lượng lãnh đạo cấp cao, lao động, lực lượng quản lý trong ngành năng lượng, ngành công nghiệp giai đoạn hiện nay rất phức tạp, thu hút bởi các công ty FDI, các công ty tư nhân mới nhập ngành với chính sách ưu đãi bất thường ảnh hưởng đến lực lượng lao động có năng lực cao của PC1;

- Chiến lược PC1 2026 - 2030, mục tiêu tăng trưởng cao, bền vững, ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến và trách nhiệm xã hội cần có đội ngũ Lãnh đạo, cán bộ nhân viên năng lực, tâm huyết, gắn bó.

3.2. Mục đích phát hành

Duy trì và phát triển đội ngũ Lãnh đạo, cán bộ nhân viên ưu tú, năng lực, gắn kết, đáp ứng thực hiện thành công chiến lược Tập đoàn 2026- 2030.

3.3. Phương án phát hành

STT	Phương án	Nội dung
1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
2	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
3	Sàn niêm yết	HOSE
4	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện tại	4.112.853.430.000 đồng
7	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	411.285.343 cổ phiếu
8	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 12.338.560 cổ phiếu. (Tương đương 3% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 31/12/2025)
10	Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá	Tối đa 123.385.600.000 đồng
11	Đối tượng phát hành	Theo Phụ lục 01 đính kèm. Người lao động tham gia đợt phát hành ESOP này không được hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và không được hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được nêu tại Mục II.1 và Mục II.2 ở trên.
12	Tiêu chí, nguyên tắc xác	Theo Phụ lục 01 đính kèm

STT	Phương án	Nội dung
	định số cổ phiếu phân phối cho từng đối tượng	
13	Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
14	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của Cán bộ nhân viên)
15	Phương án xử lý cổ phần không chào bán hết trong trường hợp Cán bộ nhân viên không mua hoặc mua một phần cổ phần (“Cổ phần cần phân phối”)	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phân bổ số Cổ phần cần phân phối cho Cán bộ nhân viên khác trong danh sách ESOP ban đầu với cùng mức giá phát hành.
16	Thời gian thực hiện	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thời gian phát hành cụ thể, dự kiến trong năm 2026.
17	Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài
18	Phương án xử lý cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của Người lao động nghỉ việc	<p>Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các trường hợp mua lại và Phương án mua lại cổ phiếu ESOP của người lao động nghỉ việc đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Cổ phiếu ESOP đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng được Công ty mua lại (nếu có) thì không còn hạn chế chuyển nhượng; Công ty được phép bán ra số cổ phiếu đã được mua lại theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết Phương án bán ra số cổ phiếu ESOP được Công ty mua lại (nếu có) theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động do HĐQT ban hành.</p>

3.4. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là 123.385.600.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Phương án sử dụng vốn cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

3.5. Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế phát hành được theo phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP. Số cổ phiếu nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”).

3.6. Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ của công ty theo số vốn thực tế tăng thêm từ đợt phát hành

Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.

3.7. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định và triển khai các nội dung liên quan đến việc phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Quyết định thời điểm phát hành, lập, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định chi tiết và chỉnh sửa, bổ sung phương án phát hành tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm phát hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu;

- Quyết định chi tiết và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên năm 2026;

- Tính toán tỷ lệ phát hành chi tiết căn cứ trên số lượng cổ phiếu phát hành tối đa đã được ĐHĐCĐ thông qua ở trên;

- Quyết định Phương án xử lý cổ phần không chào bán hết trong trường hợp Cán bộ nhân viên không mua hoặc mua một phần cổ phần;

- Quyết định Phương án xử lý cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của Người lao động nghỉ việc;

- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

- Phê duyệt danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP và số cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động;

- Thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu ESOP cho người lao động theo đúng quy định pháp luật hiện hành;

- Thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành tùy theo tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty tại thời điểm phát hành, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Trường hợp thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành, HĐQT báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN;

- Thực hiện các công việc cần thiết khác để cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE;

- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;

- Các công việc khác để thực hiện phương án phát hành nêu trên;

- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHCĐ và nội dung được ủy quyền, HĐQT thực hiện:

- Phê duyệt phương án tăng vốn chi tiết và lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện phương án tăng vốn này nhằm xin chấp thuận/đăng ký với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và triển khai việc chào bán/phát hành cổ phiếu;

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án chào bán/phát hành sau khi nhận được chấp thuận của UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả chào bán/phát hành cho UBCKNN;

- Đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với số cổ phiếu được chào bán/phát hành trong thời gian quy định của pháp luật hiện hành;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;

- Lập phương án sử dụng vốn chi tiết cho số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành; triển khai phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo ĐHCĐ trong kỳ họp ĐHCĐ gần nhất. Thực hiện các thủ tục báo cáo sử dụng vốn theo quy định;

- Trong quá trình thực hiện nội dung các công việc nêu trên, HĐQT giao Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện các công

việc và thủ tục cần thiết để hoàn tất đợt chào bán/phát hành cổ phiếu theo quy định, đồng thời tối ưu hiệu quả sử dụng vốn trong thời gian chờ giải ngân, đảm bảo phù hợp với tiến độ triển khai các dự án theo phương án sử dụng vốn *thet*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01: ĐỐI TƯỢNG PHÁT HÀNH VÀ NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN PHỐI ESOP

I. Đối tượng được phân phối ESOP

- Thành viên hội đồng quản trị (HDQT) đang không trong tình trạng xin từ nhiệm hoặc đang được giải quyết từ nhiệm;

- Lãnh đạo, cán bộ, nhân viên công ty PC1 đã ký hợp đồng lao động tính đến hết ngày 31/12/2025 và đang làm việc tại PC1 đến thời điểm thực hiện phát hành;

- Cán bộ quản lý Công ty con của PC1 (từ cấp trưởng phòng hoặc tương đương trở lên) đã ký hợp đồng lao động tính đến hết ngày 31/12/2025 và đang làm việc tại Công ty con đến thời điểm thực hiện phát hành;

- Không áp dụng đối với: CBNV đã có đơn xin nghỉ việc, đã nghỉ việc tại thời điểm thực hiện phát hành; CBNV đang tạm hoãn hợp đồng/nghỉ không lương dài hạn từ 03 tháng trở lên; CBNV đang trong quá trình xử lý/giải quyết khiếu nại/khiếu kiện/vi phạm nội quy/quy định Công ty; CBNV đang trong thời gian xử lý kỷ luật.

II. Nguyên tắc phân phối

1. Phân phối theo nhóm đối tượng

Tổng số cổ phiếu ESOP được phân phối cụ thể cho từng nhóm đối tượng như sau:

Nhóm	Đối tượng	Tỷ lệ phân bổ	Số CP được phân bổ
I	HDQT và Ban TGD	34%	4.195.110
II	Cấp Giám đốc ban	16%	1.974.170
III	Phó Giám đốc Ban, các trưởng, phó phòng, chuyên viên, nhân viên các phòng/ban Công ty	32%	3.948.339
1	Ban Tổng thầu EPC	8,12%	1.001.891
2	Ban Điện và Công nghiệp	8,17%	1.008.060
3	Ban Năng lượng	3,94%	486.139
4	Ban Bất động sản dân dụng	2,02%	249.239
5	Ban Bất động sản khu công nghiệp	1,61%	198.651
6	Ban Kinh doanh thương mại	0,38%	46.887
7	Ban Nhân sự	2,86%	352.883
8	Ban Tài chính	2,29%	282.553
9	Ban Kiểm toán nội bộ	1,50%	185.078

Nhóm	Đối tượng	Tỷ lệ phân bổ	Số CP được phân bổ
10	Ban Chuyên đổi số	1,11%	136.958
IV	Cán bộ quản lý công ty con	18%	2.220.941
1	Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	1,19%	146.829
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	1,05%	129.555
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	0,44%	54.290
4	Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	1,84%	227.030
5	Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	0,43%	53.056
6	Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng	1,36%	167.804
7	Công ty TNHH MTV PC1 Năng Hương	0,87%	107.345
8	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	2,23%	275.150
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	0,46%	56.757
10	Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	0,56%	69.096
11	Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	2,73%	336.843
12	Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	0,55%	67.862
13	Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	1,07%	132.023
14	Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	0,74%	91.305
15	Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	0,81%	99.942
16	Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	0,92%	113.515
17	Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	0,75%	92.539
	Tổng cộng	100%	12.338.560

2. Phân phối đến từng đối tượng

2.1 Công thức phân phối

Sau khi Cổ phiếu ESOP phân phối đến từng nhóm đối tượng, số lượng cổ phiếu đó sẽ được phân phối tiếp cho người lao động đủ điều kiện tham gia trong nhóm theo công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số cổ phiếu} & & \text{Tổng số cổ phiếu} & & \text{Hệ số K của} & & \text{Tổng Hệ số} \\ \text{ESOP người} & = & \text{ESOP phân phối} & \times & \text{từng người lao} & \div & \text{K của tất cả} \\ \text{lao động được} & & \text{cho từng nhóm} & & \text{động trong} & & \text{người lao} \\ \text{phân phối} & & \text{đối tượng} & & \text{nhóm} & & \text{động trong} \\ & & & & & & \text{nhóm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Hệ số K của} & & \text{Hệ số chức} & & \text{Hệ số thời} & & \text{Hệ số tiềm} \\ \text{từng người} & = & \text{danh (K1)} & \times & \text{gian làm} & \times & \text{năng phát} \\ \text{lao động} & & & & \text{việc (K2)} & & \text{triển (K4)} \\ \text{trong nhóm} & & & & & & \end{array}$$

- Các hệ số K chỉ có ảnh hưởng trong nội bộ của từng nhóm đối tượng;
- Hệ số chức danh (K1): Đánh giá theo vị trí chức danh của Lãnh đạo, CBNV;
- Hệ số thời gian làm việc (K2): Thể hiện thời gian làm việc của Lãnh đạo, CBNV tính đến hết ngày 31/12/2025;
- Hệ số hiệu quả công việc (K3): Hiệu quả thực hiện công việc trong năm 2025;
- Hệ số tiềm năng phát triển (K4): Xác định dựa trên tiềm năng đóng góp cho sự phát triển theo mục tiêu chiến lược của Công ty và/hoặc công ty con của Công ty.
- Các hệ số K được quy định/ xác định theo Phụ lục 01.1 đính kèm;
- Cổ phiếu được phân phối tới từng người lao động được làm tròn đến hàng chục và tối thiểu 1.000 cổ phiếu/người. Trường hợp việc làm tròn dẫn đến phát sinh chênh lệch giữa tổng số lượng cổ phiếu phân phối và số lượng cổ phiếu ESOP được phép phát hành, thì số chênh lệch này sẽ được điều chỉnh (tăng/giảm) vào số cổ phiếu phân phối cho Tổng giám đốc.

PHỤ LỤC 01.1: DANH MỤC HỆ SỐ PHÂN PHỐI

1. Hệ số chức danh (K1)

1.1. Hệ số chức danh nhóm I: HĐQT và ban Tổng Giám đốc

STT	Chức vụ	Hệ số
1	Chủ tịch HĐQT	10,0
2	Tổng Giám đốc	7,0
3	Phó Tổng Giám đốc	Từ 2,0 - 3,5

1.2. Hệ số chức danh nhóm II: Cấp Giám đốc ban Công ty

Hệ số chức danh được xác định bằng bình phương hệ số lương cơ sở P2 trong thang bảng lương của Công ty tại ngày 31/12/2025. Hệ số lương cơ sở P2 được tính bằng hệ số đánh giá theo vị trí công việc nhân với tỷ lệ đáp ứng năng lực của người lao động.

1.3. Hệ số chức danh nhóm III: Phó Giám đốc Ban, Các trưởng, phó phòng, chuyên viên, nhân viên các phòng/ban Công ty

Hệ số chức danh được xác định bằng bình phương hệ số lương cơ sở P2 trong thang bảng lương của Công ty tại ngày 31/12/2025. Hệ số lương cơ sở P2 được tính bằng hệ số đánh giá theo vị trí công việc nhân với tỷ lệ đáp ứng năng lực của người lao động.

1.4. Hệ số chức danh nhóm IV: Cán bộ quản lý công ty con

STT	Chức vụ	Hệ số
1	Giám đốc/Tổng Giám đốc	2,0 – 8,0
2	Phó Giám đốc/phó Tổng Giám đốc	2,0 – 6,0
3	Trưởng/Phó ban hoặc tương đương	2,0 – 3,0
4	Trưởng phòng hoặc tương đương	1,0

2. Hệ số thời gian làm việc (K2)

Tất cả các nhóm đối tượng đều áp dụng cùng một cách tính hệ số thời gian làm việc tính đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

STT	Thời gian làm việc	Hệ số
1	Dưới 1 năm	0,1
2	Từ đủ 1 năm đến dưới 2 năm	0,3
3	Từ đủ 2 năm đến dưới 3 năm	0,6

STT	Thời gian làm việc	Hệ số
4	Từ đủ 3 năm đến dưới 4 năm	0,8
5	Từ đủ 4 năm trở lên	1,0

3. Hệ số hiệu quả công việc (K3)

3.1 Hệ số hiệu quả công việc áp dụng cho nhóm I: HĐQT và Ban Tổng Giám đốc và nhóm IV: Cán bộ quản lý công ty con như sau:

STT	Xếp loại thực hiện công việc	Hệ số
1	Cần cải thiện	0,8
2	Trung bình	0,9
3	Đạt	1,0
4	Tốt	1,1
5	Xuất sắc	1,2

3.2 Hệ số hiệu quả công việc áp dụng cho nhóm II: Cấp giám đốc ban Công ty và nhóm III: Phó Giám đốc Ban, các trưởng, phó phòng, chuyên viên, nhân viên các phòng/ban Công ty như sau:

Hệ số hiệu quả được xác định dựa trên bình quân hệ số đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân người lao động trong năm 2025, và dao động từ 0,8 – 1,2.

4. Hệ số tiềm năng phát triển (K4):

Tất cả các nhóm đối tượng đều áp dụng cùng một cách tính hệ số tiềm năng phát triển, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Tiềm năng phát triển thấp	0,8
2	Tiềm năng phát triển trung bình thấp	0,9
3	Tiềm năng phát triển trung bình	1,0
4	Tiềm năng phát triển cao	1,1
5	Tiềm năng phát triển rất cao	1,2